

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST  
Ngày: 14/01/2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Hưng  
2. Bà Trần Thị Kim Mỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Phan Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2024/TLST-HS ngày 16/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HS ngày 30/12/2024 đối với bị cáo:

**Đặng Thanh T**, sinh năm 1993 tại tỉnh lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện C (nay là huyện Đ), tỉnh Lâm Đồng; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T1, sinh năm 1948 (chết) và bà Ninh Thị M, sinh năm 1952; vợ: Quang Thị C, sinh năm 1997; con: có 02 người con sinh năm 2014 và năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 26/3/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã tuyên phạt 01 năm 9 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HSST-ST, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2023, đang chấp hành án).

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam T6 - Bộ C2 ở tỉnh Bình Phước từ ngày 29/10/2023 (ngày tạm giam), có mặt.

**- Bị hại:** Bùi Văn H, sinh năm 1965; nơi cư trú: số F, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Đặng Thị Thu H1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện C (nay là huyện Đ), tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

2. Quách Thị C1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện C (nay là huyện Đ), tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Phan Thị Bích T2, sinh năm 1981; nơi cư trú: số C, đường số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Hồng N, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng Tháng 6/2021, Đặng Thanh T nảy sinh ý định giả danh người có chức vụ lãnh đạo để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện ý định, T truy cập vào mạng Internet cập nhật từ khóa Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, T nhận được thông tin cá nhân và hình ảnh của ông Trần Ngọc T3 hiện tại là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. T sử dụng điện thoại di động Iphone 6 của T truy cập mạng xã hội Zalo tạo tài khoản "Trần Ngọc T3" và tải hình ảnh của ông Trần Ngọc T3 trên mạng Internet xuống làm ảnh đại diện. T tiếp tục truy cập mạng Internet tìm lãnh đạo cấp dưới của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và thấy thông tin số điện thoại di động của ông Bùi Văn H, sinh năm 1965 là Trưởng Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bến Tre. T sử dụng số điện thoại của ông Hiệp T4 tìm, T có được tài khoản Zalo của ông H. Ngày 22/6/2021, T sử dụng tài khoản Zalo "Trần Ngọc T3" gửi yêu cầu kết bạn đến tài khoản Zalo của ông H. Ông H thấy thông tin yêu cầu kết bạn tên Trần Ngọc T3 và có ảnh đại diện của ông T3, ông H tin đó là tài khoản Zalo của ông T3 nên đồng ý kết bạn. T sử dụng tài khoản Zalo "Trần Ngọc T3" giả danh ông T3 nhắn tin hỏi thăm tình hình công việc để ông H tin là đang trò chuyện với ông T3. Khi thấy ông H đã tin, T nhắn tin hỏi mượn ông H số tiền 30.000.000 đồng. Ông H nghĩ là ông Tam mượn tiền thật nên ông Hiệp đồng ý. Khi thấy ông Hiệp đồng ý, T liên hệ với người bạn tên Hoàng L mượn số tài khoản Ngân hàng của L và nói dối với L là để vợ của T gửi tiền, L tin thật nên nhắn tin cho T số tài khoản 56010000583859 của Hoàng L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là B). T cung cấp số tài khoản của L cho ông H. Do ông H không có tiền trong tài khoản Ngân hàng nên ông H mượn của chị Phạm Thị Bích T5 số tiền 30.000.000 đồng và nhờ chị T5 chuyển số tiền này vào tài khoản số 56010000583859 của H. Lúc 18 giờ 43 phút ngày 23/6/2021, chị T5 sử dụng dịch vụ Internetbanking chuyển tiền từ tài khoản số 72110000244098 của chị T5 mở tại B vào tài khoản số 56010000583859 của H số tiền 30.000.000 đồng. Ngay trong ngày 23/6/2021, L chuyển toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng của L đến số tài khoản 7220101492007 của T mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (viết tắt là M1) và T đã rút toàn bộ số tiền này tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 26/6/2021, T tiếp tục sử dụng tài khoản Zalo "Trần Ngọc T3" giả danh ông T3 nhắn tin cho ông H mượn tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Ông Hiệp đồng

Ý. Lần này T lấy tài khoản của Đặng Thị Thu H1 (chị ruột của T) số 0481000054127, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1 (viết tắt là V) gửi cho ông H. Ông H mượn của anh Nguyễn Hồng N (con rể của ông H) số tiền 20.000.000 đồng và nhờ anh N chuyển số tiền này vào tài khoản số 0481000054127 của Đặng Thị Thu H1. Lúc 10 giờ 46 phút ngày 26/6/2021, N đã chuyển số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản số 7211000127705 của N mở tại B đến tài khoản số 0481000054127 của chị H1. Sau khi nhận được tiền, T lấy thẻ ATM của chị H1 rút toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 28/6/2021, ông H gặp ông Trần Ngọc T3 nói chuyện mới biết ông T3 không có mượn tiền như trên nên ông H thông tin lại cho anh N và làm đơn trình báo Công an tỉnh B để giải quyết. Anh N thông báo đến Tổng đài của B và yêu cầu Ngân hàng có biện pháp hỗ trợ lấy lại số tiền này. B đã thông báo yêu cầu chị H1 nộp lại số tiền 20.000.000 đồng và thực hiện biện pháp phong tỏa tài khoản số 0481000054127 của chị H1. T đã cùng chị H1 đến B giao nộp số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 13/7/2021, B chuyển trả vào tài khoản số 7211000127705 của N số tiền 20.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ do Ngân hàng thương mại cổ phần N1 Chi nhánh B1 (viết tắt V1) cung cấp: 01 (một) đĩa DVD lưu 02 file video trích xuất hình ảnh Đặng Thanh T sử dụng tài khoản Ngân hàng số 0481000054127 của chị H1 thực hiện giao dịch (rút tiền) tại máy ATM của V1 và máy Ngân hàng khác hệ thống VCB.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 6 Đặng Thanh T khai sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, T đã bán cho người lạ không biết họ tên, địa chỉ nên không thu giữ được.

Ông H đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do ông Bùi Văn H đã nhờ anh Nguyễn Hồng N chuyển vào tài khoản của chị Đặng Thị Thu H1 và bị can đã chiếm đoạt. Chị Đặng Thị Thu H1 là chị ruột của T đã nộp lại cho Ngân hàng B số tiền 20.000.000 đồng, Ngân hàng B đã chuyển trả cho anh N số tiền 20.000.000 đồng. Anh N đã nhận lại số tiền 20.000.000 đồng, nên ông H không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị H1 không yêu cầu T trả lại cho chị Hằng số tiền 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) đĩa DVD lưu 02 file video trích xuất hình ảnh Đặng Thanh T sử dụng tài khoản Ngân hàng số 0481000054127 thực hiện giao dịch (rút tiền) tại máy ATM của V1 và máy Ngân hàng khác hệ thống VCB do Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 Chi nhánh B1 cung cấp là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị can T nên Cơ quan điều tra lưu theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Đặng Thanh T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của T phù hợp lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 01/CT-VKSTPBT ngày 13/12/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

### **Tại phiên tòa:**

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính, áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 56 để tổng hợp với hình phạt 01 năm 09 tháng năm tù của Bản án số 18/2024/HS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để buộc bị cáo chấp hành chung.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Ghi nhận bị hại đã được toàn bộ tài sản bị thiệt hại và không có yêu cầu gì khác.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa DVD lưu 02 file video trích xuất hình ảnh Đặng Thanh T thực hiện giao dịch (rút tiền) tại máy ATM của V1 và máy Ngân hàng khác hệ thống VCB do Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 Chi nhánh B1.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại Bùi Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trình bày: gia đình của bị cáo đã bồi thường phần trách nhiệm dân sự cho phía bị hại xong, bị hại không có yêu cầu gì khác về phần trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc

xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/6/2021 đến ngày 26/6/2021, Đặng Thanh T đã có hành vi truy cập mạng Internet lấy thông tin, hình ảnh của ông Trần Ngọc T3 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, tạo tài khoản Zalo mạo danh ông T3 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Bùi Văn H ở phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cụ thể: Lần thứ nhất: ngày 23/6/2021, Đặng Thanh T chiếm đoạt của ông Bùi Văn H số tiền 30.000.000 đồng. Lần thứ hai: ngày 26/6/2021, Đặng Thanh T chiếm đoạt của ông Bùi Văn H số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền Đặng Thanh T đã chiếm đoạt của ông Bùi Văn H là 50.000.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã cố tình cung cấp cho bị hại thông tin bị cáo là ông Trần Ngọc T3 (Thông tin sai sự thật) nhằm mục đích lấy uy tín của ông T3 để hỏi mượn tiền của bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 50.000.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu đã bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng các tình tiết: “Tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”, “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ”, “Có người thân có công với đất nước, được tặng thưởng Huân chương” theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 01 năm 9 tháng tù của bản án số 18/2024/HS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên cần áp dụng Điều 56 để tổng hợp với hình phạt và buộc bị cáo chấp hành chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa DVD lưu 02 file video trích xuất hình ảnh Đặng Thanh T thực hiện giao dịch (rút tiền) tại máy ATM của V1 và máy Ngân hàng khác hệ thống VCB do Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 Chi nhánh B1.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị thiệt hại là 50.000.000 đồng, bị hại và những người có liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì khác.

[9] Đối với anh Hoàng L, chị Đặng Thị Thu H1 là người cho bị cáo mượn số tài khoản để bị hại chuyển tiền nhưng Cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được anh L, chị H1 có hành vi tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Đặng Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Thanh T 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 năm 9 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 18/2024/HS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để buộc bị cáo chấp hành chung là 04 (bốn) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2023.

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đặng Thanh T nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND X.Quảng Ngãi, H.Đạ Huoai, T.LĐ (1b);
- Bị cáo, NTGTT (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Văn Trình**